

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 22 THÁNG 7 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng
		TỔNG CỘNG						408 990	79 757	329 233		
I		CẢNG CHÍNH						119 560	28 135	91 425		
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<i>1 620</i>	<i>1 616</i>	<i>4</i>		
1		KDT MIỀN BẮC	20/7	1833/7	30/7	HP-HD 2039	CẨM 5A.1	1 620	1 616	4	21/7	PTCB
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<i>32 750</i>	<i>26 519</i>	<i>6 231</i>		
1		ĐIỆN VINH TÂN 1	16/7	467/7	26/7	QUANG VINH 188	CẨM 6A.1	22 800	21 854	946	RÓT DỖ	HỘ LỚN
2		ĐẠM NINH BÌNH	21/7	474/7	31/7	NB 8611	CẨM 4A.1	3 100	1 801	1 299	RÓT DỖ	HỘ LỚN
3		CROMIT THANH HÓA	20/7	1839/7	30/7	MINH TÂN 68	CẨM 5A.1	3 700	2 864	836	RÓT DỖ	PTCB
4		XNK THAN	20/7	1845/7	30/7	VINACOMIN 03-01	CẨM 5A.1	3 150		3 150		PTCB
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						<i>85 190</i>		<i>85 190</i>		
1		ĐIỆN VINH TÂN 1	13/7	455B/7		VIỆT THUẬN 26-01	CẨM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN
2		ĐIỆN VINH TÂN 1	15/7	464/7		VINACOMIN 30-01	CẨM 6A.1	29 300		29 300		HỘ LỚN
3		ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ	20/7	471/7		VIỆT THUẬN 235	CẨM 5A.10	22 750		22 750		HỘ LỚN
4		KDT MIỀN BẮC	21/7	1849/7	31/7	HP 5925	CẨM 5B.1	1 550		1 550		PTCB
5		VT & KDT	16/7	1743/7	23/7	BN 0719	CỤC XỔ 1C	1 160		1 160		TD
6		KDT MIỀN BẮC	18/7	1684/7	25/7	BN 2397	CỤC 4A.2	1 000		1 000		TD
7		THAN MIỀN TRUNG	18/7	1656/6	25/7	Á ĐÔNG 36 (BN 1789)	CỤC XỔ 1C	1 500		1 500		TD
8		TCT ĐÔNG BẮC	19/7	1761B/7	26/7	NB 8707	CỤC XỔ 1C	1 200		1 200		TD
9		CROMIT THANH HÓA	21/7	1847	28/7	BN 1826	CỤC XỔ 1C	1 130		1 130		TD
		Tàu chuyển tải						163 290	22 260	141 030		
		<i>Tàu đã làm hàng</i>										
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<i>94 350</i>	<i>22 260</i>	<i>72 090</i>		
1		ĐIỆN VINH TÂN 1	15/7	466/7		HẢI NAM 88	CẨM 6A.1	23 000	2 200	20 800	DỖ	HỘ LỚN
2		CN TCT PHÁT ĐIỆN 3- CTY CP	15/7	465/7		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CẨM 6A.14	23 300	10 060	13 240	DỖ	HỘ LỚN
3		ĐIỆN VINH TÂN 1	15/7	462/7		VIỆT THUẬN 215-06	CẨM 6A.1	20 700	9 000	11 700	DỖ	HỘ LỚN
4		ĐIỆN VINH TÂN	18/7	470/7		HẢI NAM 79	CẨM 6A.14	27 350	1 000	26 350	DỖ	HỘ LỚN
		<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						<i>68 940</i>		<i>68 940</i>		

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 22 THÁNG 7 NĂM 2026

[illegible]

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 22 THÁNG 7 NĂM 2026

[illegible]

TTCO: 22.800
Thay TBRT số 455/7 TTCO: 25.600
TTCO: 29.300
TTCO: 22.750
GIA HẠN L1
GIA HẠN L2
GIA HẠN L3
Thay TBRT số 1761/7
TTHG:18.000 - KVCP:5.000
KDTCP: 6000, CPXNKT: 10000, KVCP: 7300
TTHG:16.000 - KVCP:4.700
KDTCP:6.000 XNKT: 15.000 KVCP:6.350

TTHG:22.500 - KVCP:5.690
TTCO: 15.000 XNK: 10.000 KDTCP: 8.000 KVCP: 8.250
NGUỒN ĐN-CS, Thay TBRT số 1829/7
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN: TN
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN MD, GIA HẠN LẦN 3
NGUỒN ĐN-CS,GIA HẠN LẦN 1
NGUỒN CS,GIA HẠN LẦN 3
NGUỒN ĐN-CS,GIA HẠN LẦN 1
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS
NGUỒN ĐN-CS

TTCO: 6.500
KVDB: 10.000 VD: 19.000
TTCO: 18.000
TTCO: 7.100, KVCP: 5.000
TTCO: 5.000

